



NAM DƯỢC

Tự hào thuốc Nam người Việt

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

HÀ NỘI – THÁNG 03/2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nam Dược

Tên tiếng Anh: NAM DUOC JOINT STOCK COMPANY

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101452595

Vốn điều lệ: 59.640.000.000 (Năm mươi chín tỷ sáu trăm bốn mươi triệu) đồng

Địa chỉ: Số 51, đường Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số điện thoại: 024.62691602 Số fax: 024.62698623

Website: www.namduoc.vn

Mã cổ phiếu : NDC

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Nam Dược được thành lập vào ngày 01/01/2004, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chính thức cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 04 tháng 03 năm 2004, có vốn điều lệ 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng), với 23 cổ đông sáng lập. Trụ sở chính tại số 02, ngách 26/31, ngõ 26 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. Lĩnh vực kinh doanh thời điểm đó của công ty là kinh doanh, đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm; trang thiết bị y tế; Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược, mỹ phẩm.

Tháng 9 năm 2006, Công ty hoàn thành việc xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP - WHO, GSP, GLP và là một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở phía Bắc có nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn này.

Sau khi hoàn thành nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP- WHO, Nam Dược đã tập trung sản xuất đa dạng các mặt hàng tân dược và đông dược để tiến vào thị trường bảo hiểm bệnh viện. Tuy nhiên, sau khi các sản phẩm của Nam Dược bắt đầu xâm nhập được vào hầu hết các hệ thống bảo hiểm trên toàn quốc thì gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng tài chính mà đỉnh cao khủng hoảng là cuối năm 2008.

Tháng 06/2009: Đại hội cổ đông với việc quyết định chiến lược chỉ tập trung chuyên sâu chiến lược phát triển thuốc Nam, từ bỏ sản xuất các sản phẩm tân dược.

Tháng 11/2009: Bắt đầu xây dựng lại hệ thống mới hoàn toàn, bắt đầu từ miền Bắc và hoàn thiện dần hệ thống phân phối và cùng thời điểm này thực hiện tăng vốn điều lệ lên 56.800.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ tám trăm triệu đồng).

Từ 11/2009 đến nay, Nam Dược chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ và vượt bậc trên trong sản xuất và ngoài thị trường. Một số sản phẩm của công ty đã trở thành những sản phẩm dẫn đầu thị trường. Thương hiệu Nam Dược từng bước phát triển vững mạnh và uy tín trong lòng khách hàng.

Năm 2011, Nam Dược được Thủ tướng Chính phủ trao tặng giải Vàng chất lượng quốc gia và trở thành doanh nghiệp dược phẩm đầu tiên đạt được giải thưởng này.

Năm 2012, Nam Dược hợp tác với tổ chức Biotrade của Thụy Sĩ triển khai các vùng trồng dược liệu theo tiêu chuẩn GACP - WHO tại Hải Hậu – Nam Định. Đây cũng là một bước tiến khẳng định định hướng chất lượng của Nam Dược

Tháng 05/2013: Nam Dược hợp tác cùng với tổ chức tư vấn chiến lược và quản trị tổ chức OCD trong việc xây dựng lại định hướng chiến lược và hệ thống quản trị nhân sự cho giai đoạn phát triển 2014-2018.

Tháng 12/2013, Nam Dược thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 9 và chuyển trụ sở chính về địa chỉ: Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tháng 3/2014, Nam Dược vinh dự được Bộ trưởng Bộ Y tế trao tặng Bằng khen vì những thành tích trong công tác kế thừa và phát triển Y Dược cổ truyền Việt nam. Điều này khẳng định sứ mệnh vì sự nghiệp phát triển thuốc Nam của người Việt mà công ty đang theo đuổi.

Tháng 09/2014, Nam Dược vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng 3.

Tháng 02/2015, Nam Dược là một trong những doanh nghiệp dược được trao tặng Giải Vàng chất lượng quốc gia lần thứ hai cho những cam kết về chất lượng trong sản phẩm và dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp cho người tiêu dùng.

Tháng 09/2015, Nam Dược vinh dự nhận giải thưởng chất lượng quốc tế Châu Á Thái Bình Dương. Điều này khẳng định chiến lược phát triển đúng đắn và bền vững của công ty khi lấy tiêu chí “Cam kết chất lượng” là một trong những giá trị cốt lõi mà doanh nghiệp đang thực hiện.

Tháng 11/2015, Nam Dược được Bộ Lao động Thương binh và Xã Hội phối hợp với Liên đoàn lao động Việt Nam trao tặng danh hiệu “Doanh nghiệp vì người Lao động.”

Năm 2016:

Nam Dược ký kết “mở rộng hợp tác theo hướng toàn diện” với Viện Dinh Dưỡng quốc gia trong việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dinh dưỡng đặc biệt là sản phẩm cho người già và trẻ em.

Nam Dược ký kết hợp tác với tổ chức Helvetas tại Việt Nam (Biotrade) trong chiến dịch tuyên thông nâng cao nhận thức trong cộng đồng về Dược liệu sạch.

Sản phẩm Siro ho cảm Ích Nhi được bình chọn là sản phẩm số 1 trong dòng Siro ho cảm đông dược trẻ em.

Năm 2017:

Nam Dược tiếp tục hợp tác với tổ chức Biotrade của Thụy Sĩ triển khai và được Bộ y tế thẩm định thành công vùng trồng Dược liệu Quất theo tiêu chuẩn GACP - WHO tại Vụ Bản – Nam Định. Đây cũng là một bước đi bền vững trong việc xây dựng, phát triển thương hiệu nhãn hàng Siro Ho Cảm Ích Nhi nói riêng và khẳng định định hướng đầu tư chú trọng cho chất lượng của các sản phẩm của Nam Dược nói chung. Đây là định hướng đúng đắn theo chiến lược phát triển Dược liệu mà Thủ tướng Chính phủ đã phát động.

Là một trong số ít doanh nghiệp Dược áp dụng hệ thống điều hành, quản trị sản trị sản xuất bằng công nghệ cao theo tiêu chuẩn quốc tế - Hệ thống 3S ERP. Hệ thống 3S ERP sẽ quản lý chất lượng vận hành của nhà máy sản xuất Nam Dược với 3 khâu: Kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, chất lượng trong quá trình sản xuất và chất lượng khi đã thành phẩm đưa ra thị trường. Điểm nhấn ưu việt của hệ thống quản lý 3S ERP là ở tính cập nhật, cảnh báo tức thì khi có các nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp sẽ giúp người quản lý hoàn toàn có thể truy xuất ngay được chất lượng sản phẩm và quá trình sản xuất mắc lỗi từ đâu và có những quyết định nhanh chóng, kịp thời, tránh tổn kém cho doanh nghiệp cũng như đảm bảo tốt nhất được chất lượng dược phẩm khi tới tay người tiêu dùng.

Nam Dược tiếp tục nhận giải thưởng Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao năm 2017.

Nam Dược ký kết hợp tác chiến lược với Viện Di Truyền Nông Nghiệp – Bộ Nông Nghiệp. Nhằm chuẩn hóa cây dược liệu ngay từ khâu chọn giống, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao thành tựu KHCN về phát triển cây dược liệu để tạo ra các sản phẩm có chất lượng điều trị, mới đây, công ty cổ phần Nam Dược đã ký kết hợp tác chiến lược với Viện Di Truyền Nông Nghiệp trong dự án “Nghiên cứu ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ trong sản xuất dược liệu giai đoạn 2018 – 2028”

Nhãn hàng Thuốc thảo dược Thông Xoang Tán Nam Dược vinh dự nhận giải thưởng “Sản phẩm số 1 được tin và dùng trong dòng thảo dược trị viêm mũi xoang năm 2017”. Đây là giải thưởng do người tiêu dùng bình chọn thông qua chương trình bình chọn “Tin và Dùng” do Thời báo Kinh tế Việt Nam – Bộ Công Thương tổ chức.

Nhãn hàng Siro Ho Cảm Ích Nhi vinh dự nhận giải thưởng “Sản phẩm – Dịch vụ uy tín – an toàn – chất lượng năm 2017”. Đây là giải thưởng nhằm tôn vinh các sản phẩm chất lượng cao, an toàn và hiệu quả phục vụ cho chăm sóc, bảo vệ, tăng cường sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là trẻ nhỏ.

Năm 2018:

Năm 2018, Nam Dược tiếp tục hợp tác với tổ chức Biotrade của Thụy Sĩ triển khai và được Bộ y tế thẩm định thành công vùng trồng Dược liệu Cát Cánh tại Bắc Hà – Lào Cai đạt tiêu chuẩn GACP - WHO.

Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu ngày càng tăng cho sản xuất, năm 2018, Nam Dược đã tiếp tục xây dựng thành công thêm vùng trồng Húng Chanh (Tần dày lá) mới tại Huyện Tân Hồng – tỉnh Đồng Tháp theo định hướng GACP (Thực hành tốt trồng trọt và thu hái dược liệu sạch) của Tổ chức Y tế Thế Giới (WHO). Và đặc biệt, sau 02 năm nghiên cứu khảo nghiệm, cho tới nay có thể nói Nam Dược đã chuẩn hóa thành công cây dược liệu Phòng Phong tại thị trấn Phó Bảng, huyện Đồng Văn, Hà Giang, Việt Nam. Với sự thành công vượt bậc này, Nam Dược đang dần tiệm cận tới mục tiêu thay thế dược liệu nhập khẩu bằng dược liệu sản xuất trong nước, góp phần nâng cao tính chủ động và chất lượng đầu vào cho các sản phẩm có nguồn gốc từ thảo dược. Phòng Phong – Một vị thuốc chính có trong thành phần thuốc thảo dược Thông Xoang Tán Nam Dược

Nam Dược tiếp tục nhận giải thưởng Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao năm 2018, do Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao tổ chức.

Năm 2019 được đánh dấu bằng việc củng cố, phát triển hệ thống phân phối bền vững cả chiều rộng và chiều sâu trong hoạt động chăm sóc khách hàng. Các hoạt động nổi bật trong năm thứ 15 của Nam Dược kể từ khi thành lập phải kể đến:

Khai trương trụ sở chi nhánh Đà Nẵng. Hoạt động này đánh dấu hoạt động phân phối nhanh và rộng hơn của Nam Dược tại Miền Trung khi mà thời gian giao hàng tại các địa điểm xa như Gia Lai, Kotum, Quảng Nam, Quảng Ngãi... được cải thiện đáng kể. Chất lượng chăm sóc khách hàng ngày một củng cố ở khu vực này.

Khánh thành trụ sở văn phòng trụ sở công ty tại 51 Trương Công Giai, công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 10 về địa chỉ 51 Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Chuỗi các hoạt động Chào mừng 15 năm thành lập Công ty dành cho khách hàng nội bộ (Cán bộ công nhân viên trong toàn hệ thống Nam Dược) và các hội nghị khách hàng trung gian là các nhà thuốc với những trải nghiệm đặc biệt tại vùng trồng đạt chuẩn GACP-WHO hay khám phá các danh lam thắng cảnh.

Trao học bổng Nam Dược cho các sinh viên vượt khó tại 6 trường Đại học Y Dược trên toàn quốc.

Năm 2019, Nam Dược chính thức phát hành cổ phiếu ESOP thưởng cho Cán bộ quản lý điều hành và tăng vốn điều lệ lên 59.640.000.000 (Năm chín tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng), đồng thời thay đổi mô hình tổ chức như thành lập các chi nhánh trực thuộc tại các tỉnh thành phố như: Vinh (Nghệ An), Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ nhằm phát triển hơn quy mô của hệ thống bán hàng trên phạm vi toàn quốc.

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh:

Trong năm 2019, hoạt động chính của Công ty và các công ty con theo ngành nghề kinh doanh đã đăng ký tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bao gồm:

Công ty Cổ phần Nam Dược:	Kinh doanh thuốc đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH Nam Dược sản xuất.
Công ty TNHH Nam Dược:	Sản xuất và kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do chính Công ty sản xuất.
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH Nam Dược sản xuất.
Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	Kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH Nam Dược sản xuất.

Công ty Cổ phần Nam Dược – Chi nhánh Miền Trung	Kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH Nam Dược sản xuất.
Công ty Cổ phần Nam Dược- Chi nhánh Miền Nam	Kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH Nam Dược sản xuất.

- Địa bàn kinh doanh: Trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc: Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này, Cơ Cấu bộ máy quản lý như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Xuân Hạnh

Ông Nguyễn Văn Giang

Bà Dương Thị Lan

Ông Hoàng Minh Châu

Ông Lê Văn Sản

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Vũ Thị Nga

Ông Phạm Thành Đạt

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Trưởng Ban kiểm soát

Thành Viên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

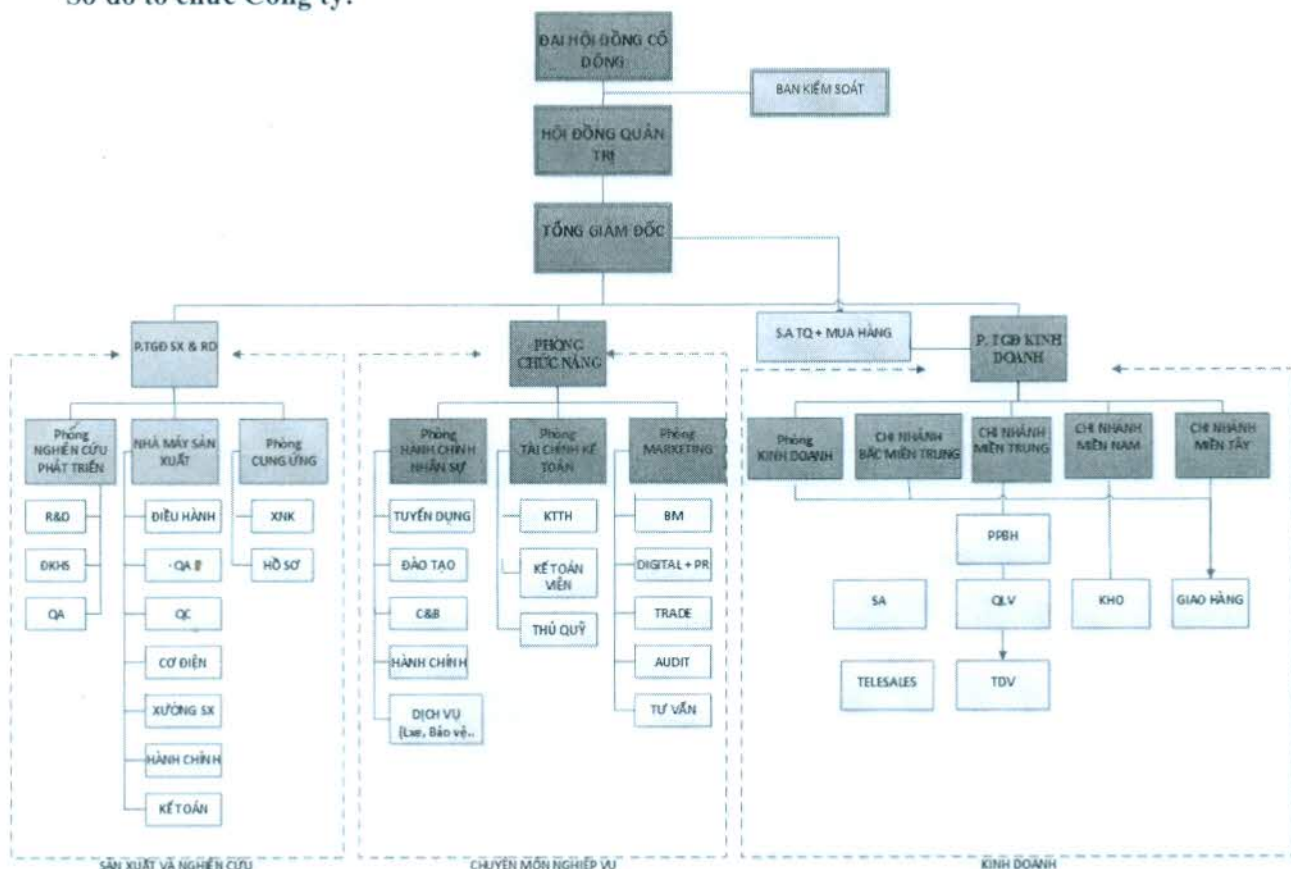
Ông Hoàng Minh Châu

Ông Lê Văn Sản

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Sơ đồ tổ chức Công ty:



- Các công ty con, công ty liên kết: Tại ngày 31/12/2019, các công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ trụ sở	Tỷ lệ quyền biểu quyết /sở hữu	Vốn điều lệ (tỷ VND)
Công ty TNHH MTV Nam Dược	Lô M13(C4-9), Khu công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định	100%	30
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	U12, Đường Bạch Mã, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	5
Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	76, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	100%	5

- Đơn vị trực thuộc:

1. Công ty cổ phần Nam Dược – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Số 3, ngách 34/23, ngõ 34 đường Nguyễn Hồng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

(Đã giải thể ngày 31 tháng 12 năm 2019)

2. Công ty Cổ phần Nam Dược – Chi nhánh Miền Trung

Địa chỉ: 76, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

3. Công ty Cổ phần Nam Dược – Chi nhánh Miền Nam

Địa chỉ: U12, Đường Bạch Mã, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Định hướng phát triển bền vững:

5.1. Đầu tư cho chất lượng sản phẩm:

Nam Dược chú trọng phát triển dược liệu sạch và chuẩn hóa với hơn 80% dược liệu sử dụng là thuốc Nam cùng với 45 vùng trồng dược liệu trên cả nước với việc hợp tác chặt chẽ với các tổ chức và hộ nông dân trong việc sản xuất, cung ứng nguồn dược liệu chuẩn hóa, có chất lượng cao như: Dây thìa canh, Quất, Bạch chỉ, Đậu nành, Vọng cách, Râu mèo, Hy thiêm tại Nam Định, Đương quy, Đan sâm, Ý dĩ, Đẳng sâm, Cát cánh tại Lào Cai, Cà gai leo tại Hà Nội, Mạch môn tại Phú Thọ, Khôi tía, Phòng phong tại Hà Giang, Kim ngân, Hà thủ ô tại Thái Nguyên, Húng chanh, Diệp hạ châu, Xạ can tại Phú Yên... Nam Dược coi chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng nhất để có được khách hàng lâu dài.

5.2. Chiến lược nhân sự:

Nam Dược tổ chức tuyển dụng, đánh giá, đào tạo và huấn luyện thường xuyên để đội ngũ cán bộ nhân viên đảm đương được công việc theo vị trí được giao, cũng như xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý, xứng đáng, công bằng theo 3Ps, chú trọng sự hợp tác minh bạch trong tác nghiệp.

5.3. Tạo dựng bản sắc văn hóa riêng:

Văn hóa “Vi Khách hàng” bao gồm khách hàng tiêu dùng, khách hàng trung gian và khách hàng nội bộ được chú trọng đầu tiên, khách hàng hài lòng thì Nam Dược mới tồn tại và phát triển bền vững, chính sách chăm sóc khách hàng ngày càng được triển khai đa dạng, hợp lý.

5.4. Quy trình quản trị khoa học:

Nam Dược chuẩn hóa các quy trình quản trị trong doanh nghiệp, từ giao việc, đánh giá theo BSC, KPI cho toàn thể nhân viên, đến quản trị bán hàng theo DMS, quản trị công ty theo ERP...là những bước tiến trong quản trị để hệ thống hoạt động hiệu quả, thông suốt, đúng kế hoạch và tiến độ.

6. Các rủi ro:

Tiềm năng tăng trưởng của ngành Dược phẩm:

Theo đánh giá của Vietnam Report, dù gặp nhiều khó khăn về sản xuất và công nghệ, nhưng với cơ cấu dân số trẻ đang có tốc độ già hóa nhanh, thu nhập, tình trạng ô nhiễm môi trường và mức độ quan tâm của trên 97 triệu dân đến các vấn đề sức khỏe ngày càng cao, sẽ là động lực cho ngành dược phẩm tiếp tục tăng trưởng. Trong vòng 5 năm tiếp theo, ngành dược Việt Nam được dự đoán sẽ tiếp tục nằm trong nhóm 20 quốc gia có mức tăng trưởng mạnh và ổn định nhất thế giới.

Dự báo từ hãng nghiên cứu thị trường IBM về độ lớn thị trường dược phẩm nước ta sẽ đạt 7,7 tỷ USD vào năm 2021 và lên đến 16,1 tỷ USD năm 2026, với tỷ lệ tăng trưởng kép lên tới 11% tính theo đồng Việt Nam. Hãng nghiên cứu thị trường IMS Health cũng dự báo chi tiêu cho dược phẩm bình quân đầu người tại Việt Nam sẽ nâng lên mức 50 đôla/người/năm vào năm 2020.

Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp sản xuất dược lớn tiến hành đầu tư nâng cấp nhà máy, dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2019 - đầu năm 2020, hứa hẹn sẽ tạo những bước phát triển mới cho sản phẩm dược trong nước, nâng cao khả năng cạnh tranh các sản phẩm nhập khẩu.

Theo kết quả khảo sát của Vietnam Report, 100% các chuyên gia nhận định ngành dược Việt Nam trong giai đoạn 2019-2020 sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức hai con số, trong đó gần 80% chuyên gia cho rằng tăng trưởng sẽ tiếp tục ổn định ở mức từ 10-15%.

Từ những dữ liệu trên, các chuyên gia Vietnam Report nhận định có 5 xu thế kinh doanh chính của ngành dược là: Mở rộng kênh OTC – bán hàng trực tiếp qua các hiệu thuốc; phát triển các chuỗi bán lẻ dược phẩm; ứng dụng công nghệ thông tin trong mở rộng thị trường dược phẩm trực tuyến; M&A trong ngành dược sẽ tiếp tục sôi động; và phát triển các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm. Trong đó, các sản phẩm có nguồn tự nhiên, thực phẩm chức năng (TPCN) và dược phẩm được dự đoán sẽ tiếp tục phát triển và sẽ sớm chiếm tỷ trọng lớn trong doanh số tiêu thụ dược phẩm của Việt Nam trong 5-10 năm tới, tương tự như các nước phát triển thì các sản phẩm này chiếm 50-60% tổng thị trường OTC.

Những yếu tố ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh

Kết quả khảo sát các doanh nghiệp trong ngành dược của Vietnam Report đã chỉ ra 6 yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp gồm: Biến động giá nguyên liệu. Theo đó các chuyên gia cho rằng, ngành dược Việt Nam vẫn bị phụ thuộc phần lớn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, trung bình mỗi năm tiêu thụ khoảng 60.000 tấn nguyên liệu dược phẩm các loại, trong đó 80-90% nguyên liệu dược phải nhập khẩu, chủ yếu từ Trung Quốc và Ấn Độ. Việc phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu khiến ngành dược chịu ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài như biến động tỷ giá, nguồn hàng cung cấp; thêm vào đó là chi phí nhập khẩu khiến giá thành xuất khẩu thuốc của Việt Nam cao hơn khoảng 20-25% so với Trung Quốc, Ấn Độ. Thực tế cho thấy, từ giữa năm 2018, giá nhiều nguyên liệu dược phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc đã tăng mạnh từ 15% đến 80%, điều này khiến cho lợi nhuận gộp của nhiều doanh nghiệp giảm sâu. Có một số ít công ty tăng trưởng lợi nhuận trên 2 con số như Công ty dược phẩm TW3, OPC, Imexpharm, đều là những công ty đầu tư đẩy mạnh sản xuất thuốc nội và phát triển nguồn nguyên liệu.

Ngoài ra, các quy định chính sách quản lý về chất lượng và giá trong ngành dược cũng là yếu tố tác động mạnh tới kết quả hoạt động của ngành dược bởi tính đặc thù ngành. Theo Vietnam Report, dù Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp lý để quản lý ngành dược quản lý của Nhà nước về giá thuốc, điều kiện kinh doanh thuốc... Tuy nhiên, các quy định pháp lý về ngành chưa thay đổi kịp theo biến động của thị trường, đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện còn nhiều kẽ hở trong quản lý chất lượng, giá thuốc thuốc và quy trình đấu thầu thuốc tại các bệnh viện (kênh ETC). Bên cạnh đó, việc dự thảo sửa đổi Thông tư 11/2016/TT-BYT về đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế ban hành chậm trễ cũng sẽ khiến doanh thu của nhiều doanh nghiệp từ thị trường ETC chưa đạt như kỳ vọng.

Tiếp đến, cạnh tranh trong ngành dược và tâm lý người tiêu dùng. Theo Vietnam Report, sức ép cạnh tranh trên thị trường dược cũng ngày càng gay gắt khi nhiều doanh nghiệp tham gia vào thị trường dược. Tuy chất lượng của một số thuốc nội tương đương với thuốc ngoại, giá thành lại rẻ hơn nhưng người tiêu dùng vẫn ưu tiên lựa chọn thuốc ngoại do hạn chế về công nghệ và nhân sự chất lượng cao. Bên cạnh đó, tâm lý người tiêu dùng quen sử dụng các sản phẩm cũ theo hướng dẫn của bác sĩ, ngại thay đổi sang các sản phẩm mới. Và cuối cùng là doanh nghiệp dược chưa thực hiện hoạt động truyền thông hiệu quả.

Theo dữ liệu phân tích truyền thông của Vietnam Report, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2017 đến hết tháng 11/2018, chỉ 12,6% số doanh nghiệp dược có tần suất xuất hiện tối thiểu 1 lần/tháng, chủ yếu là các doanh nghiệp dược đã niêm yết trên sàn chứng khoán. Xét về độ bao phủ thông tin (phân theo 24 nhóm chủ đề), tài chính/kết quả kinh doanh và cổ phiếu là 2 nhóm chủ đề được đề cập đến nhiều nhất, chiếm hơn 48,6% số lượng thông tin được mã hóa. Về chênh lệch thông tin tích cực và tiêu cực, chỉ 23% số doanh nghiệp đạt được tỷ lệ an toàn 10%. Số liệu này cho

thấy, mặc dù đã ý thức được vai trò của truyền thông, nhưng hoạt động truyền thông của các doanh nghiệp dược thực tế còn rất hạn chế.

Đánh giá của các doanh nghiệp dược trong khảo sát của Vietnam Report cũng chỉ ra được sĩ và chuyên gia trong ngành dược là đối tượng ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của một công ty trong ngành, tiếp đó là các nhà phân phối thuốc (63,64%); báo chí, truyền thông (63,64%); người bệnh, đối tượng sử dụng thuốc, dược liệu (54,55%); lãnh đạo, nhân viên cao cấp của công ty (54,55%). Kết quả khảo sát của Vietnam Report cho thấy, chất lượng sản phẩm là yếu tố ảnh hưởng nhất uy tín của của doanh nghiệp dược với 4,91 điểm (tính theo thang điểm 5) theo đánh giá của công ty dược và 4,58 theo đánh giá của các dược sĩ.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đơn vị tính : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	2019	2018	% 2019 so với 2018
Doanh thu thuần	450.000	489.634	413.939	118,3%
Lợi nhuận sau thuế	40.000	50.517	46.341	109,0%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 của CTCP Nam Dược

Doanh thu thuần năm 2019 đạt 489.634 triệu đồng, tăng 18,3 % so với năm 2018 và hoàn thành 108,8% kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận sau thuế đạt 50.517 triệu đồng, tăng 9,0 % so với năm 2018 và hoàn thành 126,3 % kế hoạch đề ra.

Ngoài chỉ tiêu doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, năm 2019 Công ty còn đạt được những thành tích sau:

Hoạt động Marketing, xây dựng thương hiệu:

- Năm 2019, các hoạt động MKT của Nam Dược chú trọng vào các nhãn hàng chiến lược như Siro ho cảm Ích Nhi, Bảo xuân, Thông xoang tán Nam Dược... với điểm nhấn là “Dược liệu sạch, chuẩn hóa đạt tiêu chuẩn Thực hành trồng trọt và thu hái Dược liệu sạch của Tổ chức Y tế thế giới GACP-WHO” do khách hàng ngày càng e ngại về dược liệu bẩn trên thị trường, đây cũng là thế mạnh khác biệt của Nam Dược so với nhiều công ty sử dụng dược liệu thuốc bắc nhập khẩu. Mặc dù thông điệp truyền thông này đã được truyền thông từ nhiều năm trước, nhưng tới năm 2019 mới được người tiêu dùng nhận thức mạnh mẽ qua chiến dịch xuyên suốt của sản phẩm Siro Ho Cảm Ích Nhi với Thông điệp “Hiệu quả, An toàn từ nguồn dược liệu sạch đạt chuẩn quốc tế GACP-WHO”. Chiến dịch thực hiện đồng bộ trên tất cả các kênh từ Trade MKT là sự hiện diện tại điểm bán tới Digital Marketing và điểm nhấn là TVC giới thiệu về GACP-WHO của Siro Ho Cảm Ích Nhi để lại dấu ấn trong ngành Dược. Bởi là nhãn đầu tiên trong ngành truyền thông sâu rộng về vấn đề này.

- Bên cạnh đó, song song với việc đẩy mạnh thương hiệu của nhãn hàng chiến lược, thì thương hiệu Nam Dược cũng được chú trọng xây dựng theo định hướng bền vững.. Từ việc đầu tư áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất với hệ thống quản trị chất lượng toàn diện theo tiêu chuẩn quốc tế 3S ERP, nâng cao chất lượng sản phẩm, tới việc chuẩn hóa nguồn Gen Dược liệu thông qua ký kết hợp tác với Viện Di Truyền Nông nghiệp, chuẩn hóa vùng trồng Dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP-WHO, hay bình ổn giá trên thị trường.

- Một số sản phẩm của Nam Dược có sự tăng trưởng nhanh trong năm 2019 như Bảo Xuân, bộ sản phẩm Ích Nhi, Thuốc thảo dược Thông Xoang Tán Nam Dược, viên tiểu đường Diabetna. Năm 2019, Sản phẩm Siro ho cảm Ích Nhi được bình chọn là “Sản phẩm – Dịch vụ uy tín – an toàn – chất lượng năm 2019” và Thuốc thảo dược Thông Xoang Tán Nam Dược, Siro Ho Cảm Ích Nhi, Dầu Tràm – Khuynh Diệp Ích Nhi được người tiêu dùng bình chọn là “Sản phẩm số 1 dược tin và dùng số 1”.

Hoạt động bán hàng:

- Về kết quả bán hàng: Năm 2019 doanh số bán hàng mảng tự doanh của Nam Dược tăng trưởng được 29% so với năm 2018.

- **Về hệ thống bán hàng:** Chi nhánh miền Trung đi vào hoạt động với kết quả rất tích cực. Thời gian phân phối hàng từ trung bình 5-6 ngày rút xuống còn trung bình 2-3 ngày, khách hàng ủng hộ hơn rất nhiều. Việc quản lý sâu sát, quản lý đốc thúc hỗ trợ liên tục, kịp thời đã giúp chi nhánh miền Trung tăng trưởng nhanh nhất cả nước với tỷ lệ tăng trưởng 2019/2018 là 37%.

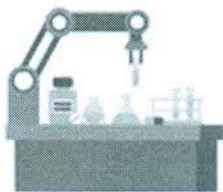
- **Về khách hàng:** Công ty đã bán hàng cho 28,000 đối tác là các công ty dược, nhà thuốc, quầy thuốc trong năm 2019, so với 2018 số lượng điểm bán tăng trưởng 13%. Nam Dược tổ chức hơn 20 hoạt động Hội nghị khách hàng trên cả nước nhân kỷ niệm 15 năm thành lập công ty, chương trình giúp thúc đẩy hoạt động tri ân, gắn kết với khách hàng, khách hàng lớn có cơ hội giao lưu và hiểu sâu hơn về hệ thống quản lý chất lượng, chính sách bán hàng, chính sách chăm sóc khách hàng của Nam Dược, các giá trị mà Nam Dược cam kết mang tới cho khách hàng.

- **Về chính sách bán hàng:** Nam Dược kiên định thực hiện chính sách bán bình ổn giá và Audit kiểm soát thị trường phát huy tác dụng tốt, được đại đa số khách hàng ủng hộ. Nam Dược cũng được đánh giá là một trong những đơn vị có mặt bằng giá bán ổn định trên thị trường, nhà thuốc bán hàng của Nam Dược ít bị lo do cạnh tranh giá bán không lành mạnh giữa các nhà thuốc với nhau. Đó là tiền đề để công ty gia tăng độ phủ trên toàn quốc.

Hoạt động nghiên cứu và phát triển:



SẢN XUẤT



180 DN sản xuất dược phẩm
224 Cơ sở sản xuất, nhà máy
đạt tiêu chuẩn GMP

PHÂN PHỐI

Kênh ETC chiếm **70%**
thị phần phân phối thuốc



30% thị phần
thuốc về kênh OTC

Chủ yếu sản xuất:

- dạng bào chế đơn giản
- thực phẩm chức năng
- thuốc generic



Cả nước hiện có khoảng
57.000
nhà thuốc và quầy thuốc

Các báo cáo nghiên cứu chỉ ra rằng, với vai trò của công tác nghiên cứu và phát triển và hoạt động bán hàng, có 63,64% doanh nghiệp lựa chọn việc nghiên cứu sản phẩm thuốc mới và phát triển, mở rộng kênh OTC là chiến lược trong năm 2020. Ngoài ra, cũng có tới 45,45% doanh nghiệp lựa chọn xây dựng nhóm hàng chiến lược có doanh số lớn, lợi nhuận cao và đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu thuốc và 36,36% doanh nghiệp sẽ ưu tiên đầu tư sản xuất nguyên, dược liệu, máy móc và dây chuyền sản xuất thuốc.

Căn cứ vào chiến lược phát triển bền vững, Nam Dược chú trọng hoạt động nghiên cứu phát triển, tập trung vào chất lượng sản phẩm, trong nghiên cứu sản phẩm mới và nâng cấp sản phẩm cũ, tiếp tục theo đuổi định hướng bộ sản phẩm, trên cơ sở nghiên cứu sâu về thị trường trước khi đưa sản phẩm ra thị trường.

Hoạt động cung ứng và sản xuất:



Năm 2014, Nam Dược đã thâm định thành công vùng trồng dược liệu Dây thìa canh tại Hải Hậu – Nam Định đạt tiêu chuẩn GACP- WHO, đây là một trong số những vùng trồng đầu tiên trên cả nước đạt tiêu chuẩn này. Các năm tiếp theo, Nam Dược tiếp tục xây dựng và phát triển các vùng trồng chuẩn hóa theo tiêu chuẩn GACP-WHO. Năm 2017 vùng trồng Quất tại Vụ Bản – Nam Định đạt tiêu chuẩn GACP-WHO, năm 2018 vùng trồng Đậu nành tại Vụ Bản – Nam Định và Cát cánh tại Bắc Hà – Lào Cai cũng đạt tiêu chuẩn này. Năm 2020 tiếp tục xây dựng vùng trồng Phòng phong tại Đồng Văn – Hà Giang đạt GACP-WHO nhằm đảm bảo chất lượng dược liệu cho những sản phẩm chiến lược của công ty như Siro Ho cảm Ích Nhi, Thông xoang tán Nam Dược và Diabetna... nâng số lượng vùng trồng đạt tiêu chuẩn GACP- WHO của Nam Dược đến 2019 là 04 vùng trồng và kế hoạch đến hết 2020 là 05 vùng.

Cùng với hoạt động xây dựng vùng trồng đạt tiêu chuẩn GACP-WHO cho các sản phẩm chiến lược, Nam Dược cũng triển khai thử nghiệm các vùng trồng mới như: Thử nghiệm trồng Cát cánh, Đan sâm tại Sơn La, trồng Đương quy, Bạch truật, Huyền sâm tại Hà Giang, Dây thìa canh lá to, Hùng chanh tại Nam Định. Với phương châm thay thế các dược liệu có nguồn gốc từ Trung Quốc thành các dược liệu được trồng và mọc tự nhiên tại Việt Nam để kiểm soát tốt chất lượng dược liệu cũng như chủ động trong việc xây dựng nguồn cung ứng, Công ty đang tiếp tục xây dựng chương trình chuẩn hóa nguồn dược liệu sạch theo kế hoạch 5 năm 2020-2024 các năm tiếp theo.

Song song với việc chuẩn hóa các vùng dược liệu để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào, Nam Dược tiến hành hợp tác về dược liệu với các đơn vị chuyên môn như: Viện Dược liệu, Viện Di truyền nông nghiệp, Viện Bảo vệ thực vật, Viện Môi trường nông nghiệp, Cục Y học cổ truyền, Trung tâm phát triển kinh tế nông thôn (CRED), tổ chức Helvetas của Thụy sỹ, tổ chức Traffic... với mục đích nâng cao nhận thức của người tiêu dùng với các sản phẩm từ dược liệu của Việt Nam và tiến tới mục tiêu xuất khẩu dược liệu thô và các sản phẩm là thuốc và thực phẩm chăm sóc sức khỏe có nguồn gốc thuốc nam ra thị trường thế giới.

Ngoài ra, Nam Dược cũng hợp tác với gần 70 nhà cung cấp trong và ngoài nước nhằm tiến hành kiểm tra đánh giá và lựa chọn những nhà cung cấp đạt chuẩn theo quy trình chọn lựa rất nghiêm ngặt. Các nguồn nguyên liệu, dược liệu, bao bì được tổ chức đánh giá theo từng lô cho từng sản phẩm. Nam Dược kết hợp với các nhà cung cấp đánh giá tiêu chuẩn đầu vào tại thực địa, xem xét các quá trình cải tiến để nâng cao chất lượng hàng hóa ngay từ phía nhà cung cấp.

Hoạt động sản xuất vẫn duy trì các tiêu chuẩn quản lý chất lượng từ bộ tích hợp tiêu chuẩn IMS. Năm 2018, Nam Dược triển khai áp dụng hệ thống điều hành, quản trị sản trị sản xuất bằng công nghệ cao theo tiêu chuẩn quốc tế - Hệ thống 3S ERP. Hệ thống 3S ERP sẽ quản lý chất lượng vận hành của nhà máy sản xuất Nam Dược với 3 khâu: Kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, chất lượng trong quá trình sản xuất và chất lượng khi đã thành phẩm đưa ra thị trường.

Hoạt động Tài chính:

Hoạt động tài chính được đánh giá khá lành mạnh, ổn định, cập nhật kịp thời tình hình kinh doanh của công ty đảm bảo các quyết định quản trị kịp thời của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Hoạt động nhân sự:

Hoạt động Tuyển dụng: Được chuẩn hóa và cho kết quả nhân sự đầu vào chất lượng hơn, minh bạch và công bằng hơn;

Hoạt động đào tạo được tổ chức nhiều và phù hợp với từng đối tượng. Năm 2019, đã tổ chức được các khóa đào tạo quan trọng: Đào tạo Năng lực Lãnh đạo và Trải nghiệm khách hàng cho đội ngũ cán bộ quản lý để tạo năng lực cạnh tranh, Đào tạo định hướng đội ngũ và cách chăm sóc khách hàng, tạo dựng mối quan hệ khách hàng; đào tạo các khóa học về kiến thức sản phẩm, một số kỹ năng chuyên môn khác.

Hoạt động đánh giá – sàng lọc nhân sự: Đã tổ chức đánh giá KPI toàn bộ nhân viên hàng tháng, 06 tháng. Áp dụng chính sách lương 3P cho toàn Công ty. Đánh giá khung năng lực cho toàn đội ngũ nhân sự nhằm nâng cao năng lực đội ngũ đáp ứng yêu cầu công việc. Qua đó có chính sách khuyến khích nhân viên xuất sắc và huấn luyện, đào tạo lại hoặc cho thôi việc những nhân sự kém chất lượng.

Thực hiện hoạt động truyền thông nội bộ: Các hoạt động phúc lợi như nghỉ mát, teambuilding đã góp phần gắn kết tinh thần của cán bộ nhân viên công ty góp phần khẳng định bản sắc văn hóa doanh nghiệp.

Trách nhiệm xã hội: Nam Dược đã tổ chức các phong trào hoạt động thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng như: Hiến máu nhân đạo, tổ chức trao học bổng cho những sinh viên nghèo vượt khó cho 6 trường Đại học Y dược trên toàn quốc và rất nhiều những hoạt động thiện nguyện khác từ sự đóng góp của CBNV và quỹ phúc lợi công ty.

Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Lý lịch	Số cổ phần nắm giữ
Hoàng Minh Châu	Tổng giám đốc	Tiến sĩ dược; Sinh năm 1974	189500
Lê Văn Sản	Phó Tổng giám đốc	Dược sĩ; Sinh năm 1983	72900
Trần Thị Anh Đức	Kế toán trưởng	Cử nhân ; Sinh năm 1980	23000
Phạm Văn Đông	Giám đốc công ty TNHH Nam Dược	Dược sĩ; Sinh năm 1981	39000
Nguyễn Văn Thành	Giám đốc Chi nhánh Miền Nam	Cử nhân ; Sinh năm 1984	9000
Khuất Văn Mạnh	Trưởng phòng Nghiên cứu – Phát triển	Thạc sĩ Dược; Sinh năm 1980	19830
Phạm Vũ Phong	Trưởng phòng Cung ứng	Dược sỹ; Sinh năm 1983	24000
Đỗ Thị Tuyền	Trưởng phòng Hành Chính – Nhân sự	Cử nhân; Sinh năm 1974	65500
Phạm Quang Hòa	Giám đốc bán hàng Miền Bắc	Cử nhân; Sinh năm 1984	6000
Lưu Thị Gấm	Trưởng phòng Marketing	Thạc sỹ Dược; Sinh năm 1983	6000
Tạ Huy Hoàng	Giám đốc chi nhánh Miền Trung	Cử nhân; Sinh năm 1983	5000

Những thay đổi trong ban điều hành: (Không có thay đổi)

Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số Cán bộ nhân viên toàn hệ thống:

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số	524	100%
Trên đại học	07	1.34%
Đại học	151	28.82%
Cao đẳng	72	13.74%
Trung cấp	215	41.03%
Sơ cấp + khác	72	13.74%

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Năm 2019, Công ty thực hiện đầu tư mua đất tại Vinh (Nghệ An) và Cần Thơ nhằm triển khai dự án xây dựng trụ sở văn phòng công ty tại Nghệ An và Cần Thơ, đã xin ý kiến của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 với tổng mức đầu tư lên tới 50 tỷ đồng. Hiện đã thực triển khai công tác đấu thầu và sắp tới sẽ tiến hành thi công hai công trình này.

Các công ty con, công ty liên kết:

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	291.690	259.948	12,2%
Doanh thu thuần	489.634	413.939	18,3%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	56.862	49.425	15,0%
Lợi nhuận khác	-195	-177	
Lợi nhuận trước thuế	56.667	49.248	15,1%
Lợi nhuận sau thuế	50.517	46.341	9,0%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,91	2,18	
+ Hệ số thanh toán nhanh: [(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	1,02	1,19	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,20	0,25	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,26	0,34	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	4,36	3,64	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,68	1,59	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,10	0,11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,22	0,24	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,17	0,18	
	0,12	0,12	

+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần:

Tổng số cổ phần : 5.964.000 (Năm triệu chín trăm sáu mươi tư ngàn) cổ phần

Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
Cổ đông lớn (Người nắm $\geq 5\%$)	2.496.970	41,87%
Cổ đông tổ chức	319.600	5,36%
Cổ đông nhỏ (Người nắm $< 5\%$)	3.467.030	58,13%
Tổng	5.964.000	100 %

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không giao dịch

Các chứng khoán khác: Không có

5. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

5.1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh 2019

Năm 2019, Nam Dược vẫn tiếp tục theo đuổi định hướng phát triển bền vững, nghiên cứu thị trường và công nghệ để đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới cho tương lai nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả điều trị của sản phẩm. Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2019 sau khi đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán và chốt số liệu như sau:

Đơn vị tính : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% tăng giảm 2019/2018
Tổng tài sản	291.690	259.948	
Doanh thu thuần	489.634	413.939	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	56.862	49.425	
Lợi nhuận khác	-195	-177	
Lợi nhuận trước thuế	56.667	49.248	
Lợi nhuận sau thuế	50.517	46.341	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,10	0,11	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	22%	24%	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	17%	18%	
Tỷ suất Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần(%)	12%	12%	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 của CTCP Nam Dược

Về doanh thu: Doanh thu thuần năm 2019 đạt 489.634 triệu đồng, tăng 18,3% so với năm 2018 và đạt 108,8% so với kế hoạch đề ra.

Về Lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 50.517 triệu đồng, tăng 9,0% so với năm 2018 và đạt 126,3% so với kế hoạch đề ra.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2019 đạt 10%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2019 đạt 22%.

Nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước: Năm 2019, Nam Dược thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế với Nhà nước và nộp ngân sách 25.403 triệu đồng.

So với chỉ tiêu kinh doanh theo biên bản họp đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Nam Dược năm 2019, các chỉ tiêu kinh doanh thực hiện trong năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% thực hiện so với KH
Vốn điều lệ	5.964	5.964 ⁺	100%
Doanh thu thuần	450.000	489.634	108,8%
Lợi nhuận sau thuế	40.000	50.517	126,3%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9%	10%	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 của CTCP Nam Dược

Cơ cấu doanh thu tự doanh và bao tiêu như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng
Tự phân phối	366.830	74,9%
Bán bao tiêu	122.804	25,1%
Tổng	489.634	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 của CTCP Nam Dược

5.2. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Lân

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	So sánh 2019/2018
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,91	2,18	0,88
Hệ số thanh toán nhanh	1,02	1,19	0,86
Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,26	0,34	0,77

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2019 là 1,91 giảm 0,88 lần so với năm 2018 và tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu năm 2019 là 0,26 giảm 0,77 lần so với năm 2018 thể hiện năng lực về tài chính của Công ty đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

Những tiến bộ công ty đã đạt được (Như đã tổng kết và phân tích phần 1)

5.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2019, Nam Dược thay đổi mô hình tổ chức sang chi nhánh phụ thuộc đối với Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung và Công ty TNHH Nam Dược.

Về chính sách quản lý, Nam Dược chú trọng phương pháp quản trị mục tiêu (BSC) trong toàn hệ thống và hệ thống đánh giá nhân sự theo kết quả công việc (KPI); Nam Dược luôn đặt ra những tầm nhìn thách thức và tìm các mô hình tiên tiến của thế giới với sự hỗ trợ của các chuyên gia để định hình rõ hướng đi phù hợp.

5.6. Kế hoạch phát triển trong tương lai

1. Tiếp tục định hướng chiến lược trở thành đại diện của thương hiệu thuốc Nam của người Việt với những thương hiệu sản phẩm dẫn đầu tại Việt Nam và xuất khẩu ra thế giới.
2. Nhân sự, công nghệ, nghiên cứu phát triển là những lĩnh vực sẽ được chú trọng đầu tư trong tương lai gần; Đối với một doanh nghiệp Dược thì công nghệ và Nghiên cứu phát triển phải là yếu tố có tính then chốt và quyết định tương lai dài hạn của doanh nghiệp; Bên cạnh tích lũy kinh nghiệm bào chế theo tri thức Y học cổ truyền thì Nam Dược sẽ phải ứng dụng những công nghệ bào chế hàng đầu, nhằm nâng cao giá trị của các sản phẩm, phục vụ cộng đồng tốt hơn;
3. Sau giai đoạn ổn định và phục hồi bước sang giai đoạn mới, Nam Dược sẽ chuẩn hóa lại cơ cấu tổ chức và ưu tiên phát triển nguồn lực nhân sự, phục vụ cho chiến lược phát triển bền vững.
4. Cân bằng hợp lý các nhóm lợi ích (Cổ đông - Đối tác bao tiêu - Cán bộ công nhân viên). Lấy mục tiêu ổn định lợi nhuận cho doanh nghiệp và cổ tức cho cổ đông làm mục tiêu ưu tiên trong năm 2019 và những năm tiếp theo nhưng cần ưu tiên đầu tư để tận dụng cơ hội bứt phá và tạo lập vị thế của thương hiệu.

5.7. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

6. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- 6.1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:* Thống nhất với ý kiến của Ban Tổng giám đốc về các mặt hoạt động của công ty.
- 6.2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:* Ban điều hành đã rất nỗ lực trong hoạt động điều hành để thu được kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2019.
- 6.3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:* Xây dựng chiến lược cho thời gian tới của Nam Dược và cùng Ban điều hành triển khai thực hiện chiến lược đã đề ra.

7. Quản trị công ty :

7.1. Hội đồng quản trị

Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và phân công công việc các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VI (2019- 2024)

STT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Số cổ phần sở hữu	Nhiệm vụ
1	Ông Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch	139.200	Thành viên không điều hành Thường trực HĐQT, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong hoạt động Nghiên cứu, Sản xuất
2	Ông Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch	322.200	Thành viên độc lập ;Giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong hoạt động tài chính và dự án

3	Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên	189.500	Tổng giám đốc công ty Cổ Phần Nam Dược – Điều hành các hoạt động toàn hệ thống
4	Bà Dương Thị Lan	Thành viên	105.000	Thành viên độc lập; Giám sát và hỗ trợ hoạt động Bán hàng, Marketing
5	Ông Lê Văn Sản	Thành viên	72.900	Phó Tổng Giám đốc công ty CP Nam Dược- Phụ trách hoạt động Bán hàng, Marketing

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

7.2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch HĐQT	9	100%	
2	Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch HĐQT	9	100%	
3	Dương Thị Lan	Ủy viên HĐQT	9	100%	
4	Hoàng Minh Châu	Ủy viên HĐQT	9	100%	
5	Lê Văn Sản	Ủy viên HĐQT	9	100%	

7.3. Kết quả các buổi họp:

STT	Số ký hiệu	Ngày tháng	Nội dung
1	01A/2018/NQ-HĐQT	13/01/2019	Thông qua kế hoạch kinh doanh 2019
2	01B/2018/NQ-HĐQT	13/01/2019	Thông qua kế hoạch sản xuất 2019
3	02A/2018/NQ-HĐQT	22/03/2018	Thông qua báo cáo kiểm toán 2019
4	03A/2019/NQ-HĐQT	05/03/2019	Thông qua các nội dung tại Đại hội cổ đông 2019
5	03B/2019/NQ-HĐQT	05/03/2019	Thành lập ban tổ chức Đại hội cổ đông năm 2019
6	03C/2019/NQ-HĐQT	10/04/2019	Tăng vốn điều lệ cho công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam
7	04A/2019/NQ-HĐQT	12/05/2019	Phân công chức năng nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ VI (2019-2024)
8	04B/2019/NQ-HĐQT	12/05/2019	Triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ 2019: Chi trả cổ tức 2018
9	04C/2019/NQ-HĐQT	12/05/2019	Triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ 2019: Trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận 2018
10	04D/2019/NQ-HĐQT	12/05/2019	Triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ 2019: Chi trả thù lao HĐQT, BKS 2018
11	04E/2019/NQ-HĐQT	12/05/2019	Triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ 2019: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ quản lý công ty
12	04F/2019/NQ-HĐQT	12/05/2019	Thông qua việc triển khai phương án phát hành ESOP
13	05A/2019/NQ-HĐQT	10/06/2019	Vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Thăng Long)

14	06A/2019/NQ-HĐQT	15/06/2019	Chuyển trụ sở văn phòng về địa chỉ 51 Trương Công Giai, Dịch Vọng, Cầu Giấy. Làm thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp.
15	07A/2019/NQ-HĐQT	23/06/2019	Thông qua chủ trương mua lab mỹ phẩm tại Hà Nội
16	07B/2019/NQ-HĐQT	23/06/2019	Phê duyệt mua ô tô phục vụ cho hoạt động kinh doanh tại Hà Nội
17	07C/2019/NQ-HĐQT	23/06/2019	Phê duyệt chủ trương tìm kiếm để đầu tư mua đất tại Cần Thơ và tại Vinh
18	07D/2019/NQ-HĐQT	23/06/2019	Thông qua chủ trương mở rộng dây chuyền sản xuất
19	07E/2019/NQ-HĐQT	23/06/2019	Bổ sung thông tin trong phương án phát hành cổ phiếu ESOP của công ty
20	10A/2019/NQ-HĐQT	19/09/2019	Phê duyệt tổng mức đầu tư văn phòng tại Thành phố Vinh – Nghệ An
21	10B/2019/NQ-HĐQT	19/09/2019	Phê duyệt tổng mức đầu tư văn phòng tại Thành phố Cần Thơ
22	10C/2019/NQ-HĐQT	19/09/2019	Phê duyệt tổng mức đầu tư máy móc thiết bị cho sản xuất
23	10D/2019/NQ-HĐQT	19/09/2019	Phê duyệt các nội dung đề trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
24	11A/2019/NQ-HĐQT	12/11/2019	Triển khai NQĐHCD: bổ sung phương án phát hành cổ phiếu ưu đãi cho người lao động
25	11B/2019/NQ-HĐQT	12/11/2019	Thành lập Chi nhánh Nam Dược Miền Nam
26	11C/2019/NQ-HĐQT	12/11/2019	Thành lập Chi nhánh Nam Dược Miền Trung
27	11D/2019/NQ-HĐQT	12/11/2019	Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019
28	11E/2019/NQ-HĐQT	12/11/2019	Bổ nhiệm vị trí Giám đốc chi nhánh Nam Dược Miền Trung
29	11F/2019/NQ-HĐQT	12/11/2019	Bổ nhiệm vị trí Giám đốc chi nhánh Nam Dược Miền Nam
30	11G/2019/NQ-HĐQT	12/11/2019	Giải thể hoạt động công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam
31	11H/2019/NQ-HĐQT	12/11/2019	Giải thể hoạt động công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung
32	12A/2019/NQ-HĐQT	05/12/2019	Tăng vốn điều lệ công ty lên 59.640.000.000 VNĐ và sửa đổi khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Số cổ phần sở hữu	Hoạt động
1	Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch	139.200	Hỗ trợ cho công tác nghiên cứu phát triển, Sản xuất

2	Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch	322.200	Hỗ trợ công tác Tài chính; kinh doanh
3	Dương Thị Lan	Thành viên	105.000	Hỗ trợ công tác kinh doanh

8. Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024

STT	Họ và tên	Chức danh BKS	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Vũ Thị Nga	Trưởng ban	21.500	0,36%
2	Phạm Thành Đạt	Thành viên	60.690	1,02%
3	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên	16.200	0,27%

Hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Thời gian	Nội dung và kết quả
1	Tháng 7	Kiểm soát các hoạt động 6 tháng đầu năm; báo cáo kết quả giám sát hoạt động 6 tháng đầu năm
2	Tháng 12	Kiểm soát hoạt động năm 2019; báo cáo hoạt động năm 2019

9. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Năm 2019 toàn bộ thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát nhận thù lao theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2019 = 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2018.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Giao dịch phát sinh của Công ty TNHH Ích Nhân do bà Dương Thị Sáu, người có liên quan đến Tổng Giám đốc Hoàng Minh Châu.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản trị công ty.

10. Báo cáo tài chính
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		113.893.658.389	109.452.045.964
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	32.661.014.119	41.229.201.202
111 1. Tiền		25.661.014.119	22.996.993.951
112 2. Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	18.232.207.251
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.065.527.101	2.000.000.000
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.065.527.101	2.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.028.266.952	14.046.738.594

131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	10.875.809.942	10.335.402.743
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	12.944.948.030	3.423.332.100
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	207.508.980	288.003.751
140	IV. Hàng tồn kho	8	53.017.890.712	49.449.564.423
141	1. Hàng tồn kho		53.017.890.712	49.449.564.423
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.120.959.505	2.726.541.745
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.067.215.932	2.602.580.281
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.053.743.573	69.281.884
	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà			
153	3. nước	15	-	54.679.580
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		177.796.838.229	150.496.808.464
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	158.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	158.000.000
220	II. Tài sản cố định		173.556.393.442	131.700.058.060
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	49.741.000.494	22.680.208.470
222	- Nguyên giá		144.160.503.336	109.529.652.136
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(94.419.502.842)	(86.849.443.666)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	123.815.392.948	109.019.849.590
228	- Nguyên giá		125.241.018.716	110.188.542.716
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.425.625.768)	(1.168.693.126)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		874.230.800	14.715.895.344
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	874.230.800	14.715.895.344
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	255.000.000	255.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		255.000.000	255.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.111.213.987	3.667.855.060
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.870.320.996	3.219.654.924
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30	240.892.991	448.200.136
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		291.690.496.618	259.948.854.428
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		59.695.177.321	65.316.779.405
310	I. Nợ ngắn hạn		59.695.177.321	50.316.779.405
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	29.766.674.614	20.377.076.632

312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		127.720.644	198.596.013
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà			
313	3. nước	15	5.548.393.129	2.268.192.272
314	4. Phải trả người lao động		20.780.198.536	17.624.739.495
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.659.522.181	1.458.678.116
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.740.928.235	2.317.743.205
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	-	6.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		71.739.982	71.753.672
330	II. Nợ dài hạn		-	15.000.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	-	15.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		231.995.319.297	194.632.075.023
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	231.995.319.297	194.632.075.023
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		59.640.000.000	56.800.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		59.640.000.000	56.800.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		172.355.319.297	137.832.075.023
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		121.837.946.663	91.490.791.633
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		50.517.372.634	46.341.283.390
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		291.690.496.618	259.948.854.428

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	516.730.926.300	418.512.467.240
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	27.096.456.126	4.573.325.192
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		489.634.470.174	413.939.142.048
11 4. Giá vốn hàng bán	22	223.587.374.938	181.471.751.435
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		266.047.095.236	232.467.390.613
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	570.587.159	1.177.176.584
22 7. Chi phí tài chính	24	1.423.962.453	2.200.738.144

23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.422.537.404	2.200.684.933
25	8. Chi phí bán hàng	25	159.570.992.398	141.870.949.022
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	48.759.990.017	40.146.922.829
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		56.862.737.527	49.425.957.202
31	11. Thu nhập khác	27	3.693.070	381.499.043
32	12. Chi phí khác	28	198.845.571	559.002.708
40	13. Lợi nhuận khác		(195.152.501)	(177.503.665)
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		56.667.585.026	49.248.453.537
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	* 5.942.905.247	2.965.769.636
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30	207.307.145	(58.599.489)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		50.517.372.634	46.341.283.390
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		50.517.372.634	46.341.283.390
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	8.837	8.159

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	56.667.585.026	49.248.453.537
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	7.826.991.818	6.205.163.420
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.189	(176.896)

05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(570.587.159)	(1.476.830.313)
06	- Chi phí lãi vay	1.422.537.404	2.200.684.933
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	65.346.530.278	56.177.294.681
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(2.232.358.173)	4.662.584.420
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(3.568.326.289)	834.246.878
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	15.833.267.486	9.312.794.944
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	1.884.698.277	(2.981.162.165)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(1.438.071.650)	(2.205.123.290)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(5.176.030.301)	(2.637.571.317)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(4.634.142.050)	(3.877.864.016)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	66.015.567.578	59.285.200.135
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(45.293.564.329)	(50.738.973.050)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	300.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(65.527.101)	(1.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	24.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	561.739.958	1.320.595.482
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(44.797.351.472)	(26.118.377.568)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	2.840.000.000	-
33	2. Tiền thu đi vay	26.436.624.969	-
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	(47.436.624.969)	(6.000.000.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(11.626.400.000)	(11.127.280.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(29.786.400.000)	(17.127.280.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(8.568.183.894)	16.039.542.567
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	41.229.201.202	25.189.481.739
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(3.189)	176.896

Tiền và tương đương tiền cuối
70 năm

3

32.661.014.119

41.229.201.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101452595 ngày 27/12/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 51 đường Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 59.640.000.000 VND (Năm mươi chín tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu đồng), tương đương 5.964.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2019, Công ty sản xuất và phân phối thêm một số sản phẩm mới, đồng thời tăng giá bán và sản lượng hàng bán ra của các sản phẩm cũ. Điều này dẫn tới lợi nhuận gộp từ bán hàng năm nay tăng 14,4% so với năm trước. Mặt khác, Công ty cũng tăng cường hoạt động quảng cáo sản phẩm dẫn tới Chi phí bán hàng tăng mạnh so với năm trước. Những vấn đề trên đã dẫn tới tổng lợi nhuận trước thuế năm 2019 tăng so với năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Nam Dược	Nam Định	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm
- Công ty TNHH Nam Dược Miền Trung	TP. Đà Nẵng	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tập đoàn kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại tiền gửi ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- *Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư* : việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- *Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	03 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 năm
- Quyền sử dụng đất	10 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	10 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và không trích khấu hao.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả, chi phí lãi vay và các khoản chi phí phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 437/2005/VP5 ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và quy định tại Khoản 3, Điều 34 và Khoản 5, Điều 35, Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007, Công ty con - Công ty TNHH Nam Dược được hưởng ưu đãi thuế từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục ngành nghề, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư:

Thuế suất 10% áp dụng trong thời gian 15 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh;

Miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.

Do đó, Công ty con - Công ty TNHH Nam Dược lựa chọn hưởng ưu đãi thuế đối với thu nhập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục ngành nghề, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư cho thời gian còn lại theo quy định tại Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 437/2005/VP5 ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Năm 2019 là năm đầu tiên Công ty con - Công ty TNHH Nam Dược áp dụng ưu đãi thuế suất 10% sau khi hết thời gian hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế.

d) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Nam Dược, công ty con - Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam và công ty con - Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ thu nhập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.23 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất, mua bán thuốc, dược phẩm và chi phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	771.306.944	819.634.549
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.889.707.175	22.177.359.402
Các khoản tương đương tiền (*)	7.000.000.000	18.232.207.251
	32.661.014.119	41.229.201.202

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	2.065.527.101	-	2.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.065.527.101	-	2.000.000.000	-
	2.065.527.101	-	2.000.000.000	-

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thành phố Nam Định với lãi suất 6,6%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược với giá gốc của khoản đầu tư tại ngày 01/01/2019 và 31/12/2019 là 255.000.000 VND. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động và đóng mã số thuế từ ngày 21/09/2006 nhưng chưa hoàn tất các thủ tục giải thể.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH Thiết bị Y tế 3M	2.293.466.910	-	1.573.200.177	-
Các đối tượng khác	8.582.343.032	-	8.762.202.566	-
	10.875.809.942	-	10.335.402.743	-
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	93.995.550	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Phước Đại Nam	-	-	737.317.333	-
- Công ty Cổ phần Mecooltech	-	-	1.416.827.994	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ	500.000.000	-	400.000.000	-

thuật Uy Việt

- Công ty TNHH Việt Hưng Khánh	-	-	221.000.000	-
- Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Kỹ thuật Quốc tế	1.387.200.000	-	-	-
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu (*)	9.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	2.057.748.030	-	648.186.773	-

12.944.948.030
3.423.332.100
b) Trả trước cho người
9.000.000.000
bán là các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

Trả trước cho ông Hoàng Minh Châu - Tổng Giám đốc Công ty theo Hợp đồng đặt cọc ký ngày 15/08/2019 giữa ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Nam Dược do ông Lê Văn Sơn - Phó Tổng Giám đốc ký duyệt, nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ô đất số 25 và số 27 thuộc Lô đất LK-03 tại địa chỉ Khu nhà ở Chung cư phía Đông Đại lộ V.I. Lê Nin, xóm 20, xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (thuộc quyền sở hữu của ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu) để làm văn phòng làm việc cho Chi nhánh Nam Dược Bắc Miền Trung.

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	113.506.046	-	135.199.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	68.966.424	-	60.119.223	-
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác	10.036.510	-	82.685.528	-
	207.508.980	-	288.003.751	-

b) Dài hạn

Ký cược, ký quỹ	-	-	158.000.000	-
	-	-	158.000.000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.772.345.554	-	23.631.468.460	-
Công cụ, dụng cụ	23.015.350	-	112.874.014	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.437.548.297	-	2.226.998.322	-
Thành phẩm	23.046.961.168	-	20.932.178.579	-
Hàng hóa	3.738.020.343	-	2.546.045.048	-
	53.017.890.712	-	49.449.564.423	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Mua sắm	874.230.800	1.318.347.818
- Thang máy Tòa nhà Trụ sở Văn phòng Công ty tại Hà Nội (1)	-	728.181.818
- Phần mềm quản trị doanh nghiệp 3S ERP.iSCM (2)	874.230.800	590.166.000
Xây dựng cơ bản	-	13.397.547.526
- Công trình Trụ sở Văn phòng Công ty tại Hà Nội (1)	-	10.453.387.660
- Công trình Trụ sở Văn phòng tại Đà Nẵng (3)	-	1.895.250.775
- Công trình hệ thống xử lý nước thải (4)	-	1.048.909.091
	874.230.800	14.715.895.344

- (1) Công trình Trụ sở Văn phòng Công ty Cổ phần Nam Dược tại Lô A2 + A4, Ô D7, Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Tổng mức đầu tư dự toán là 19.461.691.000 VND. Hạng mục chính của công trình gồm phần xây dựng; hệ thống cấp điện nặng, điện nhẹ; hệ thống cấp thoát nước được giao cho nhà thầu là Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Thực phẩm theo Hợp đồng số 2109/2017/HĐXL/ND ngày 21/09/2017. Công trình được khởi công từ ngày 25/09/2017 và đã được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng từ tháng 03/2019 (xem Thuyết minh số 11).
 Mua phần mềm quản trị doanh nghiệp 3S ERP.iSCM theo Hợp đồng số 08012018/ITG-NAMDUOC ký ngày 08/01/2018 giữa Công ty con - Công ty TNHH Nam Dược và Công ty Cổ phần Giải pháp

ERP-ITG. Theo đó, Công ty Cổ phần Giải pháp ERP-ITG sẽ cung cấp bản quyền phần mềm quản trị doanh nghiệp 3S ERP.iSCM cho Công ty con với 12 phân hệ với tổng giá trị hợp đồng là 1.092.900.000 VND. Giá trị hoàn thành, nghiệm thu tại ngày 31/12/2019 là 874.230.800 VND (Tỷ lệ hoàn thành 80% giá trị hợp đồng). Tại thời điểm 31/12/2019, các phân hệ đã được xây dựng hoàn tất và kết thúc hạng mục vận hành thử, chuẩn bị đưa chương trình vào sử dụng chính thức (Go Live). Dự kiến thời gian kết thúc triển khai, nghiệm thu toàn bộ chương trình vào năm 2020.

- (2) Công trình Trụ sở Văn phòng Công ty tại Lô 1424, khu dân cư Tây Nam Hòa Cường, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng với tổng mức đầu tư xây dựng dự toán là 4.375.324.520 VND. Các hạng mục chính của công trình gồm phần xây dựng; điện, nước thô và phần hoàn thiện được giao cho Công ty Cổ phần Phước Đại Nam theo Hợp đồng số 05/HĐXD-PDN/2018 ngày 07/10/2018. Mục đích xây dựng công trình này là làm Trụ sở Văn phòng của Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung - công ty con thành lập trong năm 2018 của Công ty. Công trình này đã hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2019 (xem Thuyết minh số 11).
- (3) Xây dựng lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sản xuất 100 m3/ngày đêm theo Hợp đồng kinh tế số 2006/HĐKT/ND-VVCECI ngày 20/06/2016 giữa Công ty con - Công ty TNHH Nam Dược và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng và Môi trường Việt Nam. Tổng giá trị hợp đồng là 1.282.000.000 VND. Công ty trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng ngày 01/12/2019.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu năm	109.243.690.216	594.852.500	350.000.000	110.188.542.716
- Mua trong năm (ii)	17.918.110.000	138.005.000	-	18.056.115.000
- Giảm khác (i)	(3.003.639.000)	-	-	(3.003.639.000)
Số dư cuối năm	124.158.161.216	732.857.500	350.000.000	125.241.018.716
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	801.428.129	321.181.658	46.083.339	1.168.693.126
- Khấu hao trong năm	-	221.932.638	35.000.004	256.932.642
Số dư cuối năm	801.428.129	543.114.296	81.083.343	1.425.625.768
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	108.442.262.087	273.670.842	303.916.661	109.019.849.590
Tại ngày cuối năm	123.356.733.087	189.743.204	268.916.657	123.815.392.948

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 92.720.294.369 VND.

- (i) Đây là giá trị công trình xây dựng tại U12 Bạch Mã, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh được phân loại sang tài sản cố định hữu hình theo Chứng thư thẩm định giá ngày 07/11/2019.

(ii) Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn Huy Hân theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/07/2019 ký giữa bên chuyển nhượng và Công ty Cổ phần Nam Dược do ông Hoàng Minh Châu - Tổng Giám đốc ký duyệt, được phê duyệt theo Nghị quyết số 07C/2019/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 23/06/2019. Đối tượng chuyển nhượng của hợp đồng là toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đăng Lưu, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 746579 do Ủy ban nhân dân Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ cấp ngày 22/08/2017, xác nhận chỉnh lý ngày 12/04/2018. Tổng diện tích chuyển nhượng là 145,3 m², giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng là 17.820.000.000 VND (chưa bao gồm tất cả các loại thuế, phí). Tổng tiền thuế, phí, lệ phí liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng này là 98.110.000 VND. Quyền sử dụng đất này sẽ được sử dụng để xây dựng Trụ sở Văn phòng làm việc của Công ty Cổ phần Nam Dược - Chi nhánh Cần Thơ theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/11/2019 của Đại hội đồng cổ đông.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	TSCĐ hữu hình khác	C
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	V
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	29.689.739.26 5	66.052.286.322	8.445.765.317	1.873.939.243	-	3.467.921.989	109.529.6
- Mua trong năm	568.668.000	4.385.077.626	2.131.218.818	257.501.455	500.000.000	-	7.842.465
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (i)	20.251.964.01 8	1.165.454.546	2.367.327.737	-	-	-	23.784.74
Tăng giảm (ii)	3.003.639.000	-	-	-	-	-	3.003.639
Số dư cuối năm	53.514.010.28 3	71.602.818.494	12.944.311.872	2.131.440.698	500.000.000	3.467.921.989	144.160.5
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	18.554.217.67 3	58.835.057.330	4.939.525.307	1.095.334.996	-	3.425.308.360	86.849.44
- Khấu hao trong năm	2.862.961.137	3.000.458.852	1.339.398.115	216.988.542	138.888.890	11.363.640	7.570.059
Số dư cuối năm	21.417.178.81 0	61.835.516.182	6.278.923.422	1.312.323.538	138.888.890	3.436.672.000	94.419.50
Giá trị còn lại							

Tại ngày đầu năm	11.135.521.59	2	7.217.228.992	3.506.240.010	778.604.247	-	42.613.629	22.680.20
Tại ngày cuối năm	32.096.831.47	3	9.767.302.312	6.665.388.450	819.117.160	361.111.110	31.249.989	49.741.00

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 3.003.639.000 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng là 57.803.470.715 VND.
- (i) Tài sản cố định từ đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành trong năm là giá trị quyết toán công trình Trụ sở Văn phòng Công ty tại Hà Nội và công trình Trụ sở Văn phòng tại Đà Nẵng (xem Thuyết minh số 9). Đây là giá trị công trình xây dựng tại U12 Bạch Mã, phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh với giá trị là 3.003.639.000 VND theo chứng thư thẩm định giá ngày 07/11/2019 được phân loại từ tài sản cố định vô hình (xem Thuyết minh số 10).

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	280.584.584	64.000.000
Chi phí quảng cáo, làm biển quảng cáo	578.353.348	2.385.580.008
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	43.163.816	29.335.985
Phí duy trì tên miền, website	8.281.383	36.419.916
Các khoản khác	156.832.801	87.244.372
	1.067.215.932	2.602.580.281
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.583.082.089	1.241.865.115
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.041.684.500	1.717.443.590
Chi phí san lấp giải phóng mặt bằng tại Nhà máy của Công ty TNHH Nam Dược	110.925.597	140.505.741
Chi phí trả trước dài hạn khác	134.628.810	119.840.478
	2.870.320.996	3.219.654.924

13 . VAY

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	-	-	26.436.624.969	26.436.624.969	-	-
-Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (i)	-	-	26.436.624.969	26.436.624.969	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	-
-Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định (ii)	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	-
	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>	<u>26.436.624.969</u>	<u>32.436.624.969</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định (ii)	21.000.000.000	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-	-
	<u>21.000.000.000</u>	<u>21.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>21.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	-	(6.000.000.000)	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>15.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>			<u>-</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

(i) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/3107039/HĐTD ngày 19/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với hạn mức cấp tín dụng tối đa là 20 tỷ đồng. Mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng cho đến hết ngày 27/06/2020. Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng, kế hoạch nhận nợ, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và L/C được phát hành. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại U12 Bạch Mã, phường 15, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số BP 829228 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/07/2013.

Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số NAD.DN.145.240417 ngày 27/04/2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định với số tiền vay là 30.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng cho việc đầu tư mua hai lô đất (Lô A4, ô D7 và Lô A2, ô D7) tại khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội để xây dựng Trụ sở Văn phòng Công ty Cổ phần Nam Dược. Thời hạn vay là 05 năm (từ ngày 28/04/2017 đến ngày 27/04/2022); nợ gốc thanh toán trong vòng 10 kỳ, mỗi kỳ 06 tháng kể từ ngày nhận được khoản giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong 06 tháng đầu là 8%/năm, 12 tháng tiếp theo là 9%/năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ có kỳ hạn 13 tháng tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm (+) 2,5%/năm. Tài sản đảm bảo của khoản vay chính là hai lô đất trên với tổng giá trị tại ngày 31/12/2019 là 70.098.933.369 VND. Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đã tắt toán khoản vay này, tuy nhiên chưa thực hiện thủ tục giải chấp tài sản bảo đảm.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

31/12/2019

01/01/2019

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Suheung Việt nam	1.083.219.500	1.083.219.500	634.018.000	634.018.000
Bà Đỗ Thị Hoa	1.238.390.900	1.238.390.900	1.914.200.500	1.914.200.500
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Truyền thông Ánh Dương	6.550.544.000	6.550.544.000	2.539.284.000	2.539.284.000
Công ty TNHH Truyền thông Ruby Việt Nam	-	-	3.504.401.000	3.504.401.000
Công ty Cổ phần Truyền hình HITV	3.008.000.000	3.008.000.000	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại Thành Minh	1.166.087.890	1.166.087.890	241.855.900	241.855.900
Các đối tượng khác	16.720.432.324	16.720.432.324	11.543.317.232	11.543.317.232
	29.766.674.614	29.766.674.614	20.377.076.632	20.377.076.632

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC



	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số hực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.138.106.985	16.699.419.021	15.529.986.749	-	2.307.539.257
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.679.580	620.830.047	5.942.905.247	5.176.030.301	-	1.333.025.413
Thuế thu nhập cá nhân	-	509.255.240	6.024.806.779	4.626.233.560	-	1.907.828.459
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	62.148.305	62.148.305	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	9.515.479	9.515.479	-	-
	54.679.580	2.268.192.272	28.738.794.831	25.403.914.394	-	5.548.393.129

Quyết toán thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	15.534.246
Chi phí cước vận chuyển, cước viễn thông	40.128.658	33.634.369
Chi phí phụ trách chuyên môn của ông Hoàng Minh Châu	-	33.000.000
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại	1.494.229.989	1.181.028.569
Chi phí phải trả khác	125.163.534	195.480.932
	1.659.522.181	1.458.678.116

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	78.185.800	109.638.155
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	770.000.000	735.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	638.400.000	904.800.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	254.342.435	568.305.050
	1.740.928.235	2.317.743.205

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU
a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	56.800.000.000	106.677.623.833	163.477.623.833
Lãi trong năm trước	-	46.341.283.390	46.341.283.390

Phân phối lợi nhuận - (15.186.832.200) (15.186.832.200)

Số dư cuối năm trước **56.800.000.000** **137.832.075.023** **194.632.075.023**

Tăng vốn trong năm nay (i) 2.840.000.000 - 2.840.000.000

Lãi trong năm nay - 50.517.372.634 50.517.372.634

Phân phối lợi nhuận (ii) - (15.994.128.360) (15.994.128.360)

Số dư cuối năm nay **59.640.000.000** **172.355.319.297** **231.995.319.297**

(i) Tăng vốn theo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2019; Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04/2019/BBHĐQT ngày 12/05/2019; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04G/2019/NQ-HĐQT ngày 12/05/2019 về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ quản lý Công ty và các văn bản khác có liên quan.

- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm tương ứng với số vốn điều lệ tăng thêm là 284.000 cổ phiếu;

- Giá phát hành: 10.000 VND/cổ phiếu;

- Hình thức phát hành: theo chương trình lựa chọn cho người lao động;

- Đối tượng được phân phối là cán bộ quản lý bao gồm các chức danh như sau: Ban Tổng Giám đốc, Trưởng/Phó phòng các phòng ban, Giám đốc/Phó Giám đốc công ty thành viên, Trưởng/Phó trưởng phòng các công ty thành viên và Quản lý vùng.

- Ngày phát hành hoàn thành: 05/12/2019.

- Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tình hình sử dụng vốn: Công ty đã sử dụng vốn đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật.

(ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

Số tiền

VND

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2.317.064.180

- Trích thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát 2.317.064.180

- Chi trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.000 VND) 11.360.000.000

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019	Tỷ lệ	01/01/2019	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Dương Thị Sáu	14.174.500.000	23,77	14.174.500.000	24,96
Bà Dương Thị Lan	1.050.000.000	1,76	3.820.000.000	6,73

Ông Nguyễn Văn Giang	3.222.000.000	5,40	3.220.000.000	5,67
Bà Dương Thị Hà	-	-	4.377.200.000	7,71
Công ty TNHH Dược phẩm Ích nhân	7.573.200.000	12,70	-	-
Các cổ đông khác	33.620.300.000	56,37	31.208.300.000	54,93
	59.640.000.000	100,00	56.800.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	56.800.000.000	56.800.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	2.840.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	59.640.000.000	56.800.000.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận</i>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	904.800.000	672.080.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	11.360.000.000	11.360.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>11.360.000.000</i>	<i>11.360.000.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	11.626.400.000	11.127.280.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>11.626.400.000</i>	<i>11.127.280.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	638.400.000	904.800.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.964.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.964.000	5.680.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.964.000</i>	<i>5.680.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.964.000	5.680.000

- Cổ phiếu phổ thông 5.964.000 5.680.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
. USD	464,27	402,11
. EUR	-	77,20

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	84.132.249.677	43.407.719.742
Doanh thu bán thành phẩm	432.598.676.623	375.104.747.498
	516.730.926.300	418.512.467.240
Doanh thu đối với các bên liên quan	54.778.811.490	49.099.041.393

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	25.987.192.488	4.573.325.192
Hàng bán bị trả lại	1.109.263.638	-
	27.096.456.126	4.573.325.192

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND

Giá vốn của hàng hóa đã bán	43.016.356.435	21.157.857.939
Giá vốn của thành phẩm đã bán	180.571.018.503	160.313.893.496
	223.587.374.938	181.471.751.435

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	570.587.159	1.176.830.313
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	169.375
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	176.896
	570.587.159	1.177.176.584
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)	-	365.448.630

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.422.537.404	2.200.684.933
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.421.860	53.211
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.189	-
	1.423.962.453	2.200.738.144

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.148.685.575	1.089.414.153
Chi phí nhân công	62.606.308.335	50.267.656.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	548.094.806	313.591.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.429.036.572	89.284.366.890
Chi phí khác bằng tiền	1.838.867.110	915.920.427

159.570.992.398
141.870.949.022
26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.634.239.340	1.038.438.909
Chi phí nhân công	30.014.937.412	23.832.524.477
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.731.846.547	1.176.412.711
Thuế, phí và lệ phí	309.226.496	218.629.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.962.324.767	12.111.671.115
Chi phí khác bằng tiền	2.107.415.455	1.769.245.812
	48.759.990.017	40.146.922.829

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	300.000.000
Các khoản khác	3.693.070	81.499.043
	3.693.070	381.499.043

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các khoản truy thu thuế GTGT, nộp phạt vi phạm hành chính và phạt chậm nộp thuế	17.319.382	163.089.423
Chi phí xuất hủy phụ liệu cũ đã hết số đăng ký và phụ liệu không sử dụng tại công ty con - Công ty TNHH Nam Dược	170.161.819	349.233.235
Phạt về vi phạm quy định xử lý chất thải rắn thông thường	-	35.000.000
Các khoản khác	11.364.370	11.680.050
	198.845.571	559.002.708

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nam Dược	686.073.127	399.906.835
Công ty TNHH Nam Dược	4.904.991.670	2.560.530.301
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	247.542.215	-
Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	104.298.235	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.942.905.247	2.960.437.136
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	5.332.500
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	566.150.467	237.952.148
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(5.176.030.301)	(2.637.571.317)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.333.025.413	566.150.467

30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	240.892.991	448.200.136
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	240.892.991	448.200.136

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	448.200.136	389.600.647
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(240.892.991)	(448.200.136)

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	50.517.372.634	46.341.283.390
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	50.517.372.634	46.341.283.390
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.716.670	5.680.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.837	8.159

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	151.389.198.855	119.498.559.996
Chi phí nhân công	118.059.527.895	97.832.332.508
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.826.991.818	6.204.027.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.706.599.827	112.733.901.822
Chi phí khác bằng tiền	4.245.015.087	4.655.975.992
	392.227.333.482	340.924.797.374

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Giá trị sổ kế toán

31/12/2019

01/01/2019

Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND

Tài sản tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền	32.661.014.119	-	41.229.201.202	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.083.318.922	-	10.781.406.494	-
Các khoản cho vay	2.065.527.101		2.000.000.000	-
	45.809.860.142	-	54.010.607.696	-
Giá trị sổ kế toán				
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND

Nợ phải trả tài chính

Vay và nợ	-	21.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	31.507.602.849	22.694.819.837
Chi phí phải trả	1.659.522.181	1.458.678.116
	33.167.125.030	45.153.497.953

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro-lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và tương đương tiền	32.661.014.119	-	-	32.661.014.119
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.083.318.922	-	-	11.083.318.922
Các khoản cho vay	2.065.527.101	-	-	2.065.527.101
	45.809.860.142	-	-	45.809.860.142
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và tương đương tiền	41.229.201.202	-	-	41.229.201.202
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.623.406.494	158.000.000	-	10.781.406.494
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
	53.852.607.696	158.000.000	-	54.010.607.696

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	31.507.602.849	-	-	31.507.602.849
Chi phí phải trả	1.659.522.181	-	-	1.659.522.181
	33.167.125.030	-	-	33.167.125.030
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	6.000.000.000	15.000.000.000	-	21.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	22.694.819.837	-	-	22.694.819.837
Chi phí phải trả	1.458.678.116	-	-	1.458.678.116
	30.153.497.953	15.000.000.000	-	45.153.497.953

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	26.436.624.969	-

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	47.436.624.969	6.000.000.000

35 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/11/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nam Dược, Nghị quyết số 11G/2019/NQ-HĐQT ngày 12/11/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Dược về việc giải thể hoạt động của Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam và Nghị quyết số 11H/2019/NQ-HĐQT ngày 12/11/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Dược về việc giải thể hoạt động của Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung, các công ty con đã thực hiện các thủ tục cần

thiết để thực hiện đóng mã số thuế và giải thể doanh nghiệp. Thời điểm giải thể sau khi kết thúc năm tài chính 2019. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các thủ tục pháp lý về cơ bản đã được hoàn tất và đang chờ quyết định giải thể cuối cùng của cơ quan chức năng.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân
- Bà Dương Thị Sáu
- Bà Phạm Thị Hồng Nhung
- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Cổ đông lớn (*)

Cổ đông lớn của Công ty - Vợ của Tổng Giám Đốc Con của bà Dương Thị Lan - Thành viên HĐQT Người quản lý chủ chốt

Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân do Bà Dương Thị Sáu làm Giám đốc. Bà Dương Thị Sáu là cổ đông lớn và là vợ của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược.

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	54.778.811.490	49.099.041.393
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	54.778.811.490	49.099.041.393
Doanh thu lãi cho vay	-	365.448.630
- Bà Dương Thị Sáu	-	365.448.630
Thanh toán/ trả trước tiền mua tài sản	9.000.000.000	25.000.000.000
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	9.000.000.000	-
- Bà Phạm Thị Hồng Nhung	-	25.000.000.000
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	25.000.000.000
- Bà Phạm Thị Hồng Nhung	-	25.000.000.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

31/12/2019

01/01/2019

	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	93.995.550	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	93.995.550	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	77.327.644	198.443.000
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	77.327.644	198.443.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.000.000.000	-
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	9.000.000.000	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.924.731.937	1.624.574.570
- Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị	4.444.941.462	3.438.084.361

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ds. Hoàng Minh Châu